

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày: 30-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đỗ Toàn

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lương Thị P, sinh năm 1994 tại tỉnh Lạng Sơn

Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã G, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở: Khu P thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 1/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Đ và bà Dương Thị V; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2017, tạm giam từ ngày 23/11/2017 tại Trại tạm giam K - Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Thị P: Bà Lê Thị Thu H - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Trần Đình M, sinh năm 1991 tại xã T, huyện K

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Khu P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình C và bà Trần Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị

tạm giữ từ ngày 20/11/2017, tạm giam từ ngày 23/11/2017 tại Trại tạm giam K - Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. Đinh Thành L, sinh năm 1989 tại huyện A, thành phố Hải Phòng

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Khu H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Quang B và bà Mai Thị L; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/11/2017 hiện tạm giam tại Trại tạm giam K - Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Xuân U, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994

Địa chỉ: xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt

- *Người chứng kiến:*

Anh Dương Thái H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 10/2017, Đinh Thành L đi dự sinh nhật của một người tên là V (không xác định được nhân thân, lý lịch) và được một số người bạn của V (không xác định được nhân thân, lý lịch) cho 01 túi ma túy đá, L đem số ma túy đá trên về cất giấu tại đầu hồi nhà phòng trọ của L tại khu H, thị trấn K, huyện K, mục đích để sử dụng. Khoảng 19 giờ ngày 19/11/2017, L nhớ trước đó Lương Thị P hỏi xin ma túy, nên L đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu HTC của L nhắn tin vào điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của P, bảo P đến phòng trọ của L để lấy ma túy. Sau đó, L đi ra chỗ cất giấu gói ma túy mang vào để trên chiếc chiếu trải dưới nền phòng trọ. Khoảng 23 giờ cùng ngày, P bảo Trần Đình M là bạn trai đang ở cùng phòng trọ với P tại khu P, thị trấn K, huyện K đến phòng trọ của L để lấy ma túy về sử dụng và để bán. M đồng ý và đi đến phòng trọ gặp L, L bảo M cầm gói ma túy để dưới chiếu mang cho P. M cất gói ma túy vào người rồi về phòng trọ đón P đi đến nhà nghỉ G ở thị trấn K thuê phòng nghỉ. Khoảng gần 12 giờ ngày 20/11/2017, P nhận được điện thoại của anh Nguyễn Xuân U hỏi mua 500.000 đồng ma túy để sử dụng, P đồng ý và hẹn U đến lối rẽ vào nhà nghỉ G nhận ma túy. P nói với M có người hỏi mua ma túy. M bỏ gói ma túy L cho chia làm 03 phần cho vào 03 túi nilon cất giấu vào trong người rồi cùng P trả phòng nhà nghỉ và đi ra chỗ hẹn. Trong lúc đó, anh U nhờ anh Nguyễn Văn T chở U đến khu P, thị trấn K (anh T không biết U nhờ chở đi

mua ma túy). Khi M và P gặp U, U đưa cho M 500.000 đồng, M nhận tiền rồi lấy 01 túi ma túy đá đưa cho U, thì bị Tổ công tác thuộc Công an huyện Kinh Môn bắt quả tang. Công an thu giữ tại túi quần phía trước U đang mặc 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu M1), U khai đó là ma túy đá vừa mua của M; thu giữ tại túi áo khoác ngoài bên phải M đang mặc số tiền 500.000 đồng, M khai đó là tiền vừa bán ma túy đá cho U mà có; thu giữ tại túi áo khoác phía trong bên trái M đang mặc 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu M2), thu giữ tại thắt lưng của M 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu M3).

Tại bản kết luận giám định số 11/KLGD-PC54 ngày 22/11/2017, Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất tinh thể màu trắng ghi thu của Nguyễn Xuân U, niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 có trọng lượng là 0,251 gam, là loại Methamphetamine. Chất tinh thể màu trắng ghi thu của Trần Đình M, niêm phong trong phong bì ký hiệu M2 có trọng lượng là 0,108 gam, là loại Methamphetamine. Chất tinh thể màu trắng ghi thu của Trần Đình M, niêm phong trong phong bì ký hiệu M3 có trọng lượng là 2,027 gam, là loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSKM ngày 12/03/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố các bị cáo Lương Thị P, Trần Đình M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Đinh Thành L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Đình M và Lương Thị P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Đinh Thành L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 7, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Đình M từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/11/2017, xử phạt bị cáo Lương Thị P từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/11/2017. Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đinh Thành L từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/11/2017. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy do cơ quan giám định hoàn lại, tịch thu số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo M sung quỹ

Nhà nước, tịch thu cho phát mại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC của bị cáo L và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo P cho phát mại, sung quỹ Nhà nước. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo P xác định: Việc truy tố của Viện kiểm sát huyện Kinh Môn đối với bị cáo P là đúng người, đúng tội. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo P, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đặc điểm nhân thân của bị cáo P là phụ nữ người dân tộc thiểu số để áp dụng cho bị cáo P hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xét xử bị cáo P dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Kinh Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 12 giờ 15 phút ngày 20/11/2017, phù hợp lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ, nội dung kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 19/11/2017, tại chỗ ở của Đinh Thành L ở khu dân cư H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương, Đinh Thành L có hành vi cất giấu trái phép 2,386 gam ma túy Methamphetamine rồi cho Lương Thị P và Trần Đình M. Đến khoảng 12 giờ ngày 20/11/2017 tại tỉnh lộ 389 thuộc khu dân cư H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương, Lương Thị P và Trần Đình M có hành vi bán trái phép cho Nguyễn Xuân U 01 túi ma túy Methamphetamine có trọng lượng 0,251gam với giá 500.000 đồng và cất giấu trong người 02 túi ma túy Methamphetamine tổng trọng lượng 2,135 gam có mục đích để bán, bị Tổ công tác Công an huyện Kinh Môn phát hiện bắt quả tang. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật

tự an toàn xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc cất giấu và mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo Đinh Thành L đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hành vi của bị cáo Lương Thị P và Trần Đình M đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại thời điểm xét xử, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực pháp luật. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Đinh Thành L thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đây là quy định có lợi cho người phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo Đinh Thành L. Trong vụ án này, Lương Thị P và Trần Đình M đồng phạm thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, trong đó: Lương Thị P là người khởi xướng việc xin ma túy và trực tiếp giao dịch mua bán ma túy lên có vai trò chính, Trần Đình M đi gặp lấy ma túy, chia và bán ma túy lên có vai trò đồng phạm là người thực hành tích cực.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi bị bắt quả tang hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo P và bị cáo M đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, khai báo nguồn gốc số ma túy là của Đinh Thành L, giúp cơ quan điều tra nhanh chóng giải quyết vụ án, Viện kiểm sát truy tố kịp thời, toàn diện tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội nên bị cáo P và bị cáo M được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo L có anh trai là Đinh Quang N được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba và hạng nhì nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét bị cáo P là phụ nữ người dân tộc thiểu số nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Bị cáo P là phụ nữ dân tộc thiểu số.

[5] Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Xét tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo P đã thực hiện, vai trò của bị cáo trong vụ đồng phạm và trọng lượng ma túy bị cáo cùng bị cáo M mua bán trái phép, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P về

việc quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện và điều kiện kinh tế của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Toàn bộ lượng ma túy do cơ quan giám định hoàn lại là vật cấm lưu hành cần tịch thu cho tiêu hủy; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC của bị cáo L, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo P là công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội, cần tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước; số tiền 500.000 đồng của bị cáo M là tiền có được do bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại di động anh Nguyễn Xuân U sử dụng để liên lạc mua ma túy của bị cáo P nên không đặt ra xem xét.

[8] Tài liệu điều tra không xác định được đối tượng cho bị cáo Đinh Thành L gói ma túy nên không đặt ra xem xét. Khi anh Nguyễn Văn T chở Nguyễn Xuân U đến thị trấn K, anh T không biết mục đích mua ma túy của U, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn không xử lý nên không xét. Nguyễn Xuân U có hành vi tàng trữ trái phép 0,251gam Methamphetamine, chưa cấu thành tội phạm. Công an huyện Kinh Môn đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với U số 87 ngày 08/02/2018 nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 7, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lương Thị P.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 7, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Đình M.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đinh Thành L.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Thị P và Trần Đình M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Đinh Thành L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lương Thị P 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/11/2017.

Xử phạt bị cáo Trần Đình M 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/11/2017.

Xử phạt bị cáo Đinh Thành L 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/11/2017.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy do cơ quan giám định hoàn lại đựng trong phong bì ghi số 11/KLGD-PC54 có niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương. Tịch thu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC có lắp sim của bị cáo Đinh Thành L và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO có lắp sim của bị cáo Lương Thị P cho phát mại sung quỹ Nhà nước. Tịch thu số tiền 500.000 đồng của bị cáo Trần Đình M sung quỹ Nhà nước (toàn bộ vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý).

Về án phí: Buộc các bị cáo Lương Thị P, Trần Đình M và Đinh Thành L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu